

Phụ lục II

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ)

**TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
0300481551**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 6 năm 2024

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1: Tình hình kinh tế tăng trưởng chậm, thị trường ô tô, vận tải đã bị tác động tiêu cực và sản lượng kinh doanh giảm sút mạnh, do đó hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng Công ty cũng gặp nhiều khó khăn, kết quả doanh thu đạt 65,4% và lợi nhuận trước thuế đạt 100,2% kế hoạch năm 2023.

- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

Thuận lợi: Kinh tế vĩ mô giữ ổn định, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ kết hợp hiệu quả đã giúp kiểm soát lạm phát ở vùng an toàn, lãi suất điều hành giảm dần là cơ sở để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ sản xuất; Chính phủ ban hành chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ cho ô tô lắp ráp, sản xuất trong nước. Khối ngành dịch vụ đang từng bước phục hồi với điểm sáng là hoạt động du lịch. Du lịch phát triển cao điểm kể từ cuối tháng 4 đã kích thích cầu tiêu dùng gia tăng; từ đó lan tỏa mạnh tới sản xuất của nhóm ngành dịch vụ khác như vận tải, lưu trú ăn uống, lữ hành, hoạt động nghệ thuật, vui chơi giải trí... là yếu tố tích cực trong tăng trưởng kinh tế. Chính phủ nỗ lực đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng.

Khó khăn: Những bất ổn về chính trị, kinh tế của thế giới gặp khó khăn, tổng cầu phục hồi yếu, lạm phát nhiều nước vẫn ở mức cao, chuỗi cung ứng thiếu ổn định, đã ảnh hưởng đến kinh tế trong nước. Sản xuất công nghiệp tuy có chuyển biến tích cực nhưng còn chậm, chưa tạo được sự bứt tốc mạnh mẽ so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do sụt giảm đơn hàng, chi phí đầu vào tăng cao, thiếu thị trường xuất khẩu đã ảnh hưởng đến nhiều ngành sản xuất công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến chế tạo. Giá nhiên liệu chưa ổn định, tình trạng các phương tiện hoạt động tuyến cố định đón,



trả khách, lên xuống hàng hóa ký gửi ngoài bến, xe hợp đồng hoạt động như xe tuyến cố định trá hình vẫn chưa được xử lý triệt để gây khó khăn cho hoạt động của các bến xe. Các cơ chế, chính sách liên quan đến trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt chưa sát với tình hình thực tế dẫn đến tiền trợ giá cho đơn vị vận tải xe buýt luôn trong tình trạng thiếu hụt và chi phí hoạt động kinh doanh tăng cao. Hệ thống giao thông xung quanh Bến xe Miền Đông mới chưa được kết nối và hoàn thiện.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
1.1	Ôtô khách Thành Phố 22 chỗ ngồi/32 chỗ đứng.	chiếc		1	
1.2	Ôtô khách TP 21 chỗ ngồi/19 chỗ đứng	chiếc	20	29	
1.3	Ôtô khách TP 26 chỗ ngồi/21 chỗ đứng.	chiếc	66	51	
1.4	Ôtô khách 19 chỗ ngồi/36 chỗ đứng	chiếc	20	8	
1.5	Ôtô khách 29 chỗ ngồi	chiếc	88	95	
1.6	Ôtô khách 34 chỗ ngồi	chiếc	14	8	
1.7	Xe giường nằm Huyndai 13m bầu hơi	chiếc		5	
1.8	Ôtô khách giường nằm 37 chỗ	chiếc		5	
1.9	Ôtô khách giường nằm ISUZU 35 chỗ kiểu Selega	chiếc		3	
1.10	Ôtô khách 47 chỗ ngồi	chiếc		2	
1.11	Ôtô khách Doosan 12m 47 chỗ ngồi	chiếc	20	41	
1.12	Xe ép rác	chiếc	30	13	
1.13	Xe hooklift, rơ moóc ,xe đầu kéo	chiếc	12	3	

1.14	Xe rửa đường tưới cây, chữa cháy	chiếc	3	1	
1.15	Xe tải tự đổ, thùng lửng	chiếc	0		
1.16	Xe tải cầu	chiếc	0	2	
1.17	Xe chữa cháy	chiếc	3	1	
1.18	Xe hút chất thải	chiếc	3		
1.19	Xe hút bùn và xe thông cống, chở bùn	chiếc	6		
1.20	Xe chở xe	chiếc	3		
1.21	Xe và thiết bị chuyên dùng khác	chiếc	14		
1.22	Xe thang nâng.	chiếc	1		
1.23	Đầu ép rác	bộ	5	2	
1.24	Thiết bị khác		15		
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.459	3.571	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	179,379	179,688	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	179,373	179,688	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng		103,588	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (Nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	1.100	1.133	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	202,384	177,519	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	7,430	7,017	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	194,954	170,502	

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

Tổng Công ty đang làm chủ đầu tư 03 dự án nhóm B (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công) như sau:

- Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư cho dự án xây dựng Tuyến Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên tại Phường Bình Thắng, TX. Dĩ An.

- Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ công trình Bến xe Miền Đông mới tại Phường Bình Thắng, TX. Dĩ An.

- Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ công trình Bến xe Miền Đông mới tại Phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức.

Tiến độ thực hiện:

Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư cho dự án xây dựng Tuyến Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên tại Phường Bình Thắng, TX. Dĩ An và Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ công trình Bến xe Miền Đông mới tại Phường Bình Thắng, TX. Dĩ An hiện 02 dự án đang chờ Sở Tài chính ra quyết định phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành.

Đối với Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ công trình Bến xe Miền Đông mới tại Phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức đã bàn giao 30/31 hộ dân (trên thực địa còn 01 trường hợp chưa đồng ý bàn giao mặt bằng là hộ Phạm Thị Mỹ Lan do còn khiếu nại). Hiện nay, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức vẫn chưa ra quyết định phê duyệt chi phí BTGPMB.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
1	Dự án BTGPMB Tuyến Metro số 1 Bến Thành - Suối tiên	211,9			211,9	202,4	2012-2023

2	Dự án BT, GPMB phục vụ công trình BXMD mới P. Bình thắg, TX Dĩ An, Bình Dương	260,4			260,4	232,7	2012-2023
3	Dự án BT, GPMB phục vụ công trình Bến xe Miền Đông mới P. Long Bình, Quận 9	610,2			610,2	138,03	2012-2023

2. Các khoản đầu tư tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2023: 1.271,4 tỷ đồng

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2023: 0

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2023: 1.271,4 tỷ đồng

Trong đó:

+ Đầu tư vào Công ty con: 464,9 tỷ đồng

+ Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: 914,7 tỷ đồng

+ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: (108,2) tỷ đồng



III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ (*)	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	246,5	246,5	582,9	468,9	136,4	111,3	83,2	62,8	336,4
1.2	Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	72,0	72,0	131,8	94,8	15,6	12,1	33,8	24,2	56,1
1.3	Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	26,7	23,1	3,4	4,6	(6,1)	(6,1)	-	4,1	378,2
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết	5,0	3,8	10,7	116,7	2,0	1,6	0,4	3,6	1,0

2.2	Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	50,0	25,5	109,2	71,6	31,3	24,9	3,1	12,5	17,1
2.3	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	25,0	12,8	284,2	157,2	83,4	66,5	2,6	28,9	81,3
2.4	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn	144,2	81,3	310,7	160,6	61,3	50,7	-	20,6	36,2

Ghi chú: (*) Lợi nhuận nộp về Công ty mẹ: Số cổ tức/lợi nhuận thực nhận trong năm 2023

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC *khul*



TẶNG THỊ THU LÝ

